

Với bộ tài liệu giải bài tập SGK Tiếng anh lớp 8 **Unit 11: A Closer Look 2** trang 51-52 SGK chi tiết nhất được tổng hợp kiến thức trọng tâm của bài và lời giải hay của các bài tập trong sách giáo khoa nằm trong nội dung chương trình giảng dạy bộ môn Tiếng anh lớp 8 giúp các em học sinh dễ dàng tiếp thu và củng cố kiến thức trong quá trình học tập. Mời quý thầy cô cùng các em học sinh tham khảo bài viết chi tiết dưới đây.

Soạn Unit 11: A Closer Look 2 SGK Tiếng anh 8 trang 51-52

Grammar

1. Put the verbs in brackets ... (Đưa những động từ trong ngoặc về đúng thì.)

1. will have
2. will be working
3. will she be
4. won't pass
5. decide; will support

Hướng dẫn dịch:

1. Khoảng năm 2030 tất cả học sinh sẽ có máy tính riêng của chúng ở trường.
2. Tôi không thể đến bữa tiệc của bạn vào thứ Sáu tới bởi vì tôi sẽ làm việc vào ngày đó.
3. Tôi biết cô ấy bệnh, nhưng cô ấy sẽ trở lại trường vào ngày mai phải không?
4. Bạn sẽ không đậu kỳ thi nếu bạn không bắt đầu học chăm chỉ hơn.
5. Dù bạn quyết định làm việc gì trong tương lai, thì tôi cũng sẽ ủng hộ bạn.

2. Work in pairs. Read the following ... (Làm theo cặp. Đọc dự đoán sau về năm 2040 và nói xem bạn nghĩ nó có xảy ra không.)

Hướng dẫn dịch:

A: Email sẽ hoàn toàn thay thế cho thư gửi thông thường.

B: Tôi nghĩ điều đó chắc chắn/có thể sẽ xảy ra./Điều đó chắc chắn/có thể sẽ không xảy ra.

1. Tất cả chúng ta sẽ sử dụng xe hơi bay.
2. Hầu hết người ta sẽ sống đến 100 tuổi.
3. Người máy sẽ thay thế giáo viên.
4. Thế giới sẽ có một hệ thống tiền tệ.
5. Internet sẽ thay thế sách.

Gợi ý:

1. A: We will have flying cars in the future.

B: It certainly won't happen.

2. A: Most people will live to be a hundred years old.

B: I think it will certainly happen.

3. A: Robots will replace teachers.

B: It certainly won't happen.

4. A: The world will have one current system.

B: I think it will certainly happen.

5. A: The Internet will replace books.

B: It certain won't happen.

3. Look at the conversation in GETTING STARTED ... (Nhìn vào bài hội thoại trong phần Mở đầu một lần nữa. Tìm và gạch dưới các ví dụ về câu tường thuật.)

Gợi ý:

- Well, my dad told me that only robots would work in factories and clean our homes in the future.

- Our science teacher said that there would be no more schools: we'd just stay at home and learn on Internet.

4. Complete sentence b in each ... (Hoàn thành câu b trong mỗi cặp câu để nó có nghĩa như câu a, sử dụng câu tường thuật.)

1. b. → Nick said that he came from a small town in England.
2. b. → My friends said that Brazil would win the World Cup.
3. b. → Olive told Chau that she was leaving Vietnam the next day.
4. b. → David told Catherine that he was unable to read her writing.
5. b. → Minh said that he had overslept that morning.

Hướng dẫn dịch:

1. b. Nick nói rằng anh ấy đã đến từ một thị trấn nhỏ ở nước Anh.
2. b. Bạn tôi nói rằng Brazil sẽ vô địch World Cup.
3. b. Olive nói rằng cô ấy sẽ rời Việt Nam vào ngày hôm sau.
4. b. David nói với Catherine rằng anh ấy không thể đọc được chữ viết của cô ấy.
5. b. Minh nói rằng anh ấy đã ngủ quên sáng hôm đó.

5. Change the following sentences into ... (Thay đổi những câu sau thành câu tường thuật, sử dụng những từ được cho trong ngoặc đơn.)

1. → He said that he hadn't said anything at the meeting the week before.
2. → She told me that letter had been opened.
3. → Tom said that in 50 years' time we would probably be living on Mars.
4. → Mi said that she hoped they would build a city out at sea.
5. → Son told us that his wish was to become a young inventor.

Hướng dẫn dịch:

1. Anh ấy nói rằng anh ấy đã không nói gì trong cuộc họp tuần rồi.
2. Cô ấy nói với tôi rằng bức thư đã được mở ra.

3. Tom nói rằng trong 50 năm nữa chúng ta sẽ có thể sống trên sao Hỏa.
4. Mi nói cô ấy hy vọng họ sẽ xây một thành phố ngoài biển.
5. Sơn nói với chúng tôi rằng ước mơ của cậu ấy là trở thành một người phát minh trẻ.

6. GAME: MY FRIEND SAID ... (Trò chơi: Bạn tôi nói rằng ...)

Each of students stands up or come ... (Mỗi học sinh đứng dậy hoặc đứng trước lớp. Một người nói một câu về chính cậu ấy/ cô ấy. Người khác tường thuật lại cho cả lớp.)

Hướng dẫn dịch:

Ví dụ:

Mình thích viết code.

=> Bạn ấy nói rằng bạn ấy thích viết code.

Gợi ý:

I like singing English songs.

=> She said that she liked singing English songs.

I hate learning Chemistry.

=> He said that he hated learning Chemistry.

I want to be a singer in the future.

=> She said that she wanted to be a singer in the future.

CLICK NGAY vào **TẢI VỀ** dưới đây để download tài liệu giải bài tập SGK Tiếng anh lớp 8 **Unit 11: A Closer Look 2** trang 51-52 sách mới được tổng hợp chi tiết, hay nhất với file word, pdf hoàn toàn miễn phí. Chúc các em học sinh đạt được những kết quả tốt trong kỳ thi sắp tới.